

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

Tầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Fabien Gerald Jeudy
Ông Kent Savage
Ông Karim Gilani
Ông Phạm Anh Đức

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2016)

Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2016)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2016)

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2016)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2016)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2015)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2016)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2016)

Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2016)

Ông Bùi Vạn Thuận

Ông Phạm Khắc Dũng

Ông Kevin Strain

Ông Dikran Ohannessian

Ông Nguyễn Huy Tuấn

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Michael Stewart Elliott

Tổng Giám đốc

Ông Vũ Thành Lê

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2015)

Ông Nguyễn Hữu Luân

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2016)

Ông Huỳnh Tuấn Khoa

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2016)

Ông Đào Quốc Bảo

Phó Tổng Giám đốc

Ông Luc St Amour

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Huy

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Michael Stewart Elliott
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Số: 341 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là "Công ty") được lập vào ngày 11 tháng 3 năm 2016 từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tư

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B01 - DNBH
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		425.440.574.450	704.693.010.337
I. Tiền	110	6	33.001.125.073	110.031.853.750
1. Tiền	111		33.001.125.073	110.031.853.750
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		227.000.000.000	450.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128	7	227.000.000.000	450.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		156.797.379.302	122.860.630.241
1. Phải thu khách hàng	131	8	139.428.501.183	110.314.696.433
2. Trả trước cho người bán	132		5.855.252.638	3.945.192.150
3. Các khoản phải thu khác	138		12.421.691.306	8.678.980.808
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(908.065.825)	(78.239.150)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.642.070.075	21.800.526.346
1. Tạm ứng	151		388.721.209	430.531.296
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	9	8.235.348.866	21.360.995.050
3. Các khoản ký quỹ ngắn hạn	154		18.000.000	9.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.523.511.245.670	1.508.952.017.348
I. Tài sản cố định	210		38.177.540.603	85.199.242.218
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	24.077.960.559	52.313.430.037
- Nguyên giá	212		88.044.669.529	88.014.747.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(63.966.708.970)	(35.701.317.292)
2. Tài sản cố định vô hình	217	11	14.099.580.044	32.885.812.181
- Nguyên giá	218		63.900.289.454	61.314.529.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(49.800.709.410)	(28.428.717.273)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		2.393.072.566.701	1.331.294.603.695
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	12	2.303.072.566.701	829.694.603.695
2. Đầu tư dài hạn khác	228	13	90.000.000.000	501.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	240		92.261.138.366	92.458.171.435
1. Ký quỹ bảo hiểm	241	14	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Các khoản ký quỹ dài hạn khác	242		6.649.268.137	2.103.026.281
3. Chi phí trả trước dài hạn	243	9	73.611.870.229	78.355.145.154
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		2.948.951.820.120	2.213.645.027.685

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

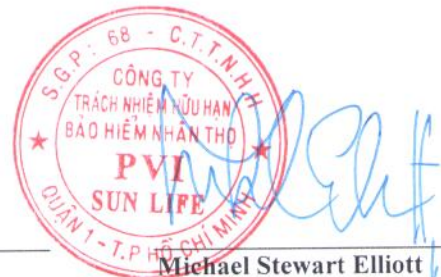
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B01 - DNBH
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.909.300.865.457	1.195.528.363.522
I. Nợ ngắn hạn	310		10.262.485.117	9.475.902.324
1. Phải trả người bán	313		6.484.389.865	6.727.700.769
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	15	774.303.496	1.546.295.370
3. Phải trả người lao động	316		-	8.672.985
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		3.003.791.756	1.193.233.200
II. Dự phòng nghiệp vụ	320	16	1.858.169.376.190	1.168.641.727.853
1. Dự phòng toán học	332		40.719.124.438	14.108.567.536
2. Dự phòng bồi thường	333		651.454.545	-
3. Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và hưu trí tự nguyện	334		1.816.301.626.183	1.154.035.989.293
4. Dự phòng bảo đảm cân đối	336		497.171.024	497.171.024
III. Nợ khác	340		40.869.004.150	17.410.733.345
1. Chi phí phải trả	341	17	40.869.004.150	17.410.733.345
B. NGUỒN VỐN	400		1.039.650.954.663	1.018.116.664.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.039.650.954.663	1.018.116.664.163
1. Vốn điều lệ	411		1.200.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		1.827.422.558	1.827.422.558
3. Lỗ lũy kế	418		(162.176.467.895)	(83.710.758.395)
- (Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước	418a		(83.710.758.395)	34.721.028.610
- Lỗ năm nay	418b		(78.465.709.500)	(118.431.787.005)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		2.948.951.820.120	2.213.645.027.685

Dương Thị Ngọc Tâm
 Người lập

Nguyễn Vương Huỳnh
 Kế toán trưởng



Michael Stewart Elliott
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFETầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mẫu B02 - DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Phí bảo hiểm gốc	01		836.410.959.422	276.036.201.009
2. Trừ các khoản khấu trừ (03=04+05+06)	03		26.250.881.999	2.300.422.963
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		576.202.061	151.997.008
- Giám phí bảo hiểm	05		6.621.512	577.886.086
- Hoàn phí bảo hiểm	06		25.668.058.426	1.570.539.869
3. Tăng dự phòng phí và dự phòng toán học	08a	16	26.610.556.902	11.392.573.494
4. Tăng dự phòng quỹ bảo hiểm liên kết chung	08b	16	419.018.280.309	60.566.700.471
5. Tăng dự phòng kỹ thuật cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí	08c	16	243.247.356.581	179.819.552.618
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01-03-08a-08b-08c)	14		121.283.883.631	21.956.951.463
7. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15		19.369.838.729	10.104.311.422
8. Tăng dự phòng bồi thường	23		651.454.545	-
9. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		25.279.282.177	11.629.591.071
- Chi hoa hồng	27		24.387.488.141	10.176.418.390
- Chi giám định tổn thất, đánh giá rủi ro	31		344.322.480	173.633.000
- Chi khác	33		547.471.556	1.279.539.681
10. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=15+23+25)	41		45.300.575.451	21.733.902.493
11. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42=14-41)	42		75.983.308.180	223.048.970
12. Chi phí bán hàng	43		69.833.182.184	52.527.916.692
13. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		246.894.491.049	213.021.526.081
14. Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45=42-43-44)	45		(240.744.365.053)	(265.326.393.803)
15. Doanh thu hoạt động tài chính	46	19	162.187.518.170	142.786.025.718
16. Chi hoạt động tài chính	47		119.563.401	189.065.613
17. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		162.067.954.769	142.596.960.105
18. Thu nhập khác	52		307.203.600	13.813.903.925
19. Chi phí khác	53		96.502.816	9.516.257.232
20. Lợi nhuận khác (54=52-53)	54		210.700.784	4.297.646.693
21. Lỗ kế toán (55=45+51+54)	55		(78.465.709.500)	(118.431.787.005)
22. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	20	-	-
23. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61=55-60)	61		(78.465.709.500)	(118.431.787.005)


Dương Thị Ngọc Tâm
Người lập


Nguyễn Vương Huynh
Kế toán trưởng


Michael Stewart Elliott
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B03 – DNBH
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ phí bảo hiểm gốc và hoa hồng	01	564.335.204.811	282.128.870.582
2. Tiền thu các khoản nợ phí và hoa hồng	02	265.572.000.000	673.092.368
3. Tiền thu từ chi phí giảm trừ	03	4.376.286.957	3.061.565.758
4. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác	04	14.812.847.167	14.586.407.274
5. Tiền chi trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(15.041.302.359)	(8.073.190.054)
6. Tiền chi hoa hồng và chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	06	(71.792.099.427)	(37.832.879.045)
7. Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	07	(90.100.805.243)	(152.284.950.045)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(65.913.836.496)	(67.490.785.770)
9. Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(15.177.333.943)	(27.130.665.247)
10. Tiền chi khác	10	(25.309.988.888)	(22.757.313.333)
11. Tiền ứng trước cho người lao động và nhà cung cấp	11	(36.123.836.288)	(54.220.651.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	529.637.136.291	(69.340.499.410)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu	21	1.054.257.284.000	644.860.000.000
2. Tiền chi đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu	24	(1.853.082.180.184)	(1.585.740.076.130)
3. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	25	(1.002.586.200)	(63.385.213.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(799.827.482.384)	(1.004.265.289.796)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do đi vay	31	-	255.450.000.000
2. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	32	100.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	33	93.159.617.416	100.019.106.922
4. Tiền đã trả nợ vay	34	-	(255.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	193.159.617.416	100.019.106.922
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(77.030.728.677)	(973.586.682.284)
Tiền đầu năm	60	110.031.853.750	1.083.618.536.034
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	33.001.125.073	110.031.853.750

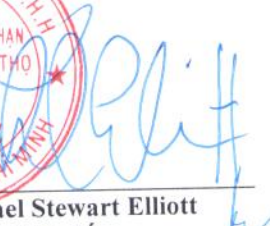


Dương Thị Ngọc Tâm
 Người lập



Nguyễn Vương Huỳnh
 Kế toán trưởng




 Michael Stewart Elliott
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN BH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 68GP/KDBH ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Bộ Tài chính cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Sun Life Assurance Company of Canada, thành lập tại Canada và Công ty Cổ phần PVI, thành lập tại Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 244 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 244 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc (bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe), kinh doanh tái bảo hiểm, quản lý quỹ, đầu tư vốn vào các lĩnh vực được pháp luật Việt Nam cho phép và tất cả các hoạt động khác được quy định theo pháp luật Việt Nam.

Các sản phẩm của Công ty:

- Bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí
- Bảo hiểm tử kỳ tai nạn cá nhân có hoàn phí
- Bảo hiểm hỗn hợp - Quyền lợi học vấn
- Bảo hiểm liên kết chung trọn đời
- Bảo hiểm liên kết chung - thời hạn 10 năm và đóng phí 3 năm
- Bảo hiểm hỗn hợp - thời hạn 10 năm và đóng phí 3 năm
- Bảo hiểm hỗn hợp - thời hạn 15 năm và đóng phí 5 năm
- Bảo hiểm hưu trí nhóm
- Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo thời hạn đóng phí tối thiểu 5 năm
- Bảo hiểm liên kết chung quyền lợi Bệnh hiểm nghèo thời hạn đóng phí 10 năm hoặc 15 năm
- Bảo hiểm tai nạn bổ sung
- Bảo hiểm tử kỳ bổ sung
- Bảo hiểm bổ sung - hỗ trợ đóng phí
- Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo bổ sung
- Bảo hiểm bổ sung - hỗ trợ viện phí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

Tầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC (“Thông tư 124”) ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 194 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các thông tư bên trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 19 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 199/2014/TT-BTC (“Thông tư 199”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 199 thay thế cho các quy định về hướng dẫn kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ban hành theo Quyết định 1296/TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc bổ sung, sửa đổi chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296/TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 199 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ ngắn hạn, đầu tư dài hạn và ký quỹ dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản dự phòng nghiệp vụ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu Chính phủ với thời gian đáo hạn còn lại là trên 1 năm và Công ty có kế hoạch giữ những trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện các phần mềm dùng trong quản lý nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và một số các phần mềm máy tính khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị thẻ hội viên Câu lạc bộ sân Golf và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã trả trước cho kỳ từ 03 đến 270 tháng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian đã thanh toán.

Giá trị thẻ hội viên Câu lạc bộ sân Golf được ghi nhận theo giá mua và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 20 đến 33 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm công cụ, dụng cụ loại nhỏ, thiết bị văn phòng, chi phí quà tặng khách hàng, chi phí bảo hiểm, chi phí quảng cáo, chi phí trang thiết bị, cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu từ phí bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định tại Thông tư 125 và Thông tư 194 do Bộ Tài Chính ban hành. Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận như “Phí bảo hiểm ứng trước” và được bao gồm trong chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung và quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu Dự phòng nghiệp vụ trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm hưu trí tự nguyện được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ liên kết chung đầu tư (cho mục đích đầu tư) và Quỹ liên kết chung tổng hợp (cho mục đích bảo hiểm).

Thu nhập hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi từ trái phiếu và lãi tiền được ghi nhận trên cơ sở phát sinh.

Tiền lãi từ trái phiếu bao gồm cả số phân bổ của các khoản chiết khấu, phụ trội, hoặc các khoản chênh lệch khác giữa giá trị ghi nhận ban đầu của trái phiếu với giá trị trái phiếu khi đáo hạn và được phân bổ theo phương pháp lãi suất thực. Đối với tiền lãi chưa thu của khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Công ty mua lại khoản trái phiếu đó, được ghi nhận là khoản phải thu và được căn trừ với tiền lãi trái phiếu sau khi thu được tiền. Chỉ có khoản tiền lãi của các kỳ sau ngày mua được ghi nhận là thu nhập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong cùng quý với việc ghi nhận phí bảo hiểm gốc trong phạm vi hợp đồng tái bảo hiểm.

2800
I NH
ÔNG
NHIỆM
LỢI
T N
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm chi phí giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chi hoa hồng, chi giám định, và chi đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro và chi khác.

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn, và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.

Chi hoa hồng

Hoa hồng là chi phí phải trả cho đại lý bảo hiểm nhân thọ thay mặt cho Công ty khai thác bảo hiểm, thu phí bảo hiểm và duy trì hợp đồng bảo hiểm. Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, dựa trên cơ sở doanh thu phí bảo hiểm và tỷ lệ hoa hồng định mức quy định bởi Công ty cho từng sản phẩm bảo hiểm và từng năm hợp đồng và phù hợp với Thông tư 124.

Chi giám định và đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro

Chi giám định và đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi khác

Chi khác bao gồm các khoản chi trích quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, và các chi phí khác, được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Công ty được thực hiện theo Thông tư 125, Thông tư 194, Thông tư số 115/2013/TT-BTC và Quyết định 96/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

a) Dự phòng kỹ thuật cho các sản phẩm truyền thống:

- Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm gộp được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giá định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài Chính.
- Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng trong vòng năm tiếp theo. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

b) Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
 - Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.
- c) Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện:
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
 - Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng nghiệp vụ đối với phần hưu trí tự nguyện là tổng giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm hưu trí tại thời điểm lập dự phòng.
 - Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu là dự phòng dùng để đảm bảo lãi suất cam kết tối thiểu của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm hưu trí.
- d) Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 – “Hợp đồng bảo hiểm” thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo quy định tại Thông tư 125.

Các phương pháp và nguyên lý tính toán được áp dụng để ước tính dự phòng bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện đã được đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 do Chính phủ ban hành.

6. TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	460.740.934	490.683.875
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.540.384.139	109.541.169.875
	<u><u>33.001.125.073</u></u>	<u><u>110.031.853.750</u></u>

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là một năm và hưởng mức lãi suất 7,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014; từ 6,5%/năm đến 7,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu phí bảo hiểm	2.000.931.388	1.961.891.643
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	137.427.569.795	108.352.804.790
	<u>139.428.501.183</u>	<u>110.314.696.433</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn	8.235.348.866	21.360.995.050
- Chi phí thuê văn phòng	616.520.223	14.162.813.419
- Chi phí quảng cáo	1.557.166.875	1.577.469.667
- Chi phí bảo hiểm	47.952.775	60.185.533
- Chi phí quà tặng	3.867.971.170	389.182.343
- Khác	2.145.737.823	5.171.344.088
Dài hạn	73.611.870.229	78.355.145.154
- Thẻ hội viên sân golf	4.191.725.884	4.399.161.220
- Chi phí thuê văn phòng	51.138.578.390	52.916.673.814
- Khác	18.281.565.955	21.039.310.120
	<u>81.847.219.095</u>	<u>99.716.140.204</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	81.988.967.329	6.025.780.000	88.014.747.329
Tăng	92.952.200	-	92.952.200
Thanh lý	(63.030.000)	-	(63.030.000)
Tại ngày 31/12/2015	<u>82.018.889.529</u>	<u>6.025.780.000</u>	<u>88.044.669.529</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	34.327.680.156	1.373.637.136	35.701.317.292
Khấu hao trong năm	27.300.162.589	1.003.380.338	28.303.542.927
Thanh lý	(38.151.249)	-	(38.151.249)
Tại ngày 31/12/2015	<u>61.589.691.496</u>	<u>2.377.017.474</u>	<u>63.966.708.970</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>20.429.198.033</u>	<u>3.648.762.526</u>	<u>24.077.960.559</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>47.661.287.173</u>	<u>4.652.142.864</u>	<u>52.313.430.037</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm máy tính
 VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2015

61.314.529.454

Tăng

2.585.760.000

Tại ngày 31/12/2015

63.900.289.454

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015

28.428.717.273

Khấu hao trong năm

21.371.992.137

Tại ngày 31/12/2015

49.800.709.410

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2015

14.099.580.044

Tại ngày 31/12/2014

32.885.812.181

12. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

2015

2014

VND

VND

Tại ngày 01 tháng 01

829.694.603.695

-

Tăng trong năm

1.473.771.021.476

829.812.635.571

Phân bổ chiết khấu

(393.058.470)

(118.031.876)

Tại ngày 31 tháng 12

2.303.072.566.701

829.694.603.695

Đầu tư chứng khoán dài hạn thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ với thời gian là 05 năm, 10 năm và 15 năm, lãi suất lần lượt từ 6,3%/năm đến 9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 8,7%/năm đến 9%/năm). Công ty có kế hoạch nắm giữ những trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là hơn một năm và hưởng mức lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm).

14. KÝ QUỸ BẮT BUỘC

Ký quỹ bắt buộc thể hiện khoản ký quỹ của Công ty vào một ngân hàng thương mại trong nước theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và có giá trị tương đương 2% vốn pháp định bắt buộc đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ (600 tỷ đồng) và sẽ được thu hồi khi Công ty chấm dứt hoạt động.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	545.092.859	11.078.945.724	10.849.735.087	774.303.496
Thuế nhà thầu	1.001.202.511	43.290.875	1.044.493.386	-
Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	1.546.295.370	11.127.236.599	11.899.228.473	774.303.496

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

Tầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	31/12/2015 VND
Dự phòng toán học	14.108.567.536	26.610.556.902	40.719.124.438
Dự phòng bồi thường	-	651.454.545	651.454.545
Dự phòng đảm bảo cân đối	497.171.024	-	497.171.024
Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung	974.216.436.675	419.018.280.309	1.393.234.716.984
Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện	179.819.552.618	243.247.356.581	423.066.909.199
	1.168.641.727.853	689.527.648.337	1.858.169.376.190

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thưởng cho đại lý và tư vấn bảo hiểm	9.162.562.156	3.063.980.272
Lương và thưởng cho người lao động	20.017.038.775	9.132.238.774
Chi phí quản lý khác	11.689.403.219	5.214.514.299
	40.869.004.150	17.410.733.345

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	1.100.000.000.000	1.827.422.558	34.721.028.610	1.136.548.451.168
Lỗ trong năm	-	-	(118.431.787.005)	(118.431.787.005)
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.100.000.000.000	1.827.422.558	(83.710.758.395)	1.018.116.664.163
Vốn góp trong năm	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Lỗ trong năm	-	-	(78.465.709.500)	(78.465.709.500)
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.200.000.000.000	1.827.422.558	(162.176.467.895)	1.039.650.954.663

Tại ngày 13 tháng 4 năm 2015, Bộ Tài chính thông qua Giấy phép Điều chỉnh số 68/GPĐC4/KDBH, chấp thuận Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.100.000.000.000 đồng lên 1.200.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ tăng thêm được các chủ sở hữu góp bằng tiền trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Bộ Tài chính tiếp tục thông qua Giấy phép Điều chỉnh số 68/GPĐC5/KDBH, cho phép Công ty thay đổi tỷ lệ góp vốn của các chủ đầu tư. Theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần PVI giảm từ 51% xuống còn 25% (tương ứng giá trị vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 300 tỷ đồng), tỷ lệ vốn góp của Sun Life Assurance Company of Canada tăng từ 49% lên 75% (tương ứng giá trị vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 900 tỷ đồng).

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFETầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	300.000.000.000	25	561.000.000.000	51
Sun Life Assurance Company of Canada	900.000.000.000	75	539.000.000.000	49
	1.200.000.000.000	100	1.100.000.000.000	100

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	56.861.983.315	93.864.400.830
Lãi đầu tư trái phiếu	105.325.516.772	48.576.736.299
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.083	344.888.589
	162.187.518.170	142.786.025.718

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lỗ trước thuế	(78.465.709.500)	(118.431.787.005)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.760.358.775	2.982.931.674
Lỗ tính thuế	(73.705.350.725)	(115.448.855.331)
Thuế suất áp dụng	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 189.154.206.056 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 115.448.855.331 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng. Các khoản lỗ tính thuế này sẽ hết hạn chuyển lỗ sau 5 năm tính từ năm phát sinh lỗ. Các khoản lỗ mang sang đáo hạn theo thời gian sau:

Năm	Lỗ tính thuế
	VND
2019	115.448.855.331
2020	73.705.350.725
	189.154.206.056

Theo chính sách ghi nhận doanh thu được trình bày tại Thuyết minh số 5, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các hóa đơn đã xuất cho khách hàng nhưng Công ty chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và chưa thu được phí bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số tiền là 366.000.780.151 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng). Công ty đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, thu được tiền và ghi nhận doanh thu trong tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty hiểu rõ rằng việc xác định khoản lỗ tính thuế năm 2015 nêu trên của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Theo đó, lỗ tính thuế của Công ty có thể thay đổi do điều chỉnh tăng doanh thu chịu thuế liên quan đến các hóa đơn đã xuất và các chi phí tương ứng theo nguyên tắc phù hợp. Theo đó, lỗ tính thuế năm 2015 sau khi điều chỉnh, nếu có, được ước tính sẽ là 48.399.533.724 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>22.591.281.877</u>	<u>19.769.669.710</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	20.455.509.734	19.058.528.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	34.003.365.670	10.393.302.233
Sau năm năm	<u>44.817.149.124</u>	<u>45.496.196.838</u>
	<u>99.276.024.528</u>	<u>74.948.027.391</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả để thuê văn phòng và căn hộ cho chuyên gia. Các hợp đồng thuê này được thương lượng cho thời hạn từ 1 năm đến 39 năm.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, quỹ dự trữ bắt buộc và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	33.001.125.073	110.031.853.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	151.850.192.489	118.993.677.241
Đầu tư ngắn hạn	227.000.000.000	450.000.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	18.000.000	9.000.000
Đầu tư dài hạn	2.393.072.566.701	1.331.294.603.695
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	6.649.268.137	2.103.026.281
	2.811.591.152.400	2.012.432.160.967
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	6.484.389.865	6.727.700.769
Chi phí phải trả	40.869.004.150	17.410.733.345
Dự phòng nghiệp vụ	1.858.169.376.190	1.168.641.727.853
	1.905.522.770.205	1.192.780.161.967

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu các rủi ro về tài chính khi có sự thay đổi về lãi suất. Rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản thu nhập mang lại từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, và sự chênh lệch giữa thời hạn chịu trách nhiệm bảo hiểm và thời gian đầu tư tài sản tương ứng. Những rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý của danh mục đầu tư và xem xét mức độ tương ứng giữa tài sản đầu tư và thời hạn bảo hiểm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty thường xuyên theo dõi rủi ro tín dụng đối với các đối tác quan trọng để hạn chế rủi ro tập trung.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Công ty thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFETầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Do tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản ròng, nên việc trình bày thông tin đầu tư tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc tác quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	33.001.125.073	-	33.001.125.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	151.850.192.489	-	151.850.192.489
Đầu tư ngắn hạn	227.000.000.000	-	227.000.000.000
Các khoản ký gửi ngắn hạn	18.000.000	-	18.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.393.072.566.701	2.393.072.566.701
Các khoản ký gửi dài hạn khác	-	6.649.268.137	6.649.268.137
	411.869.317.562	2.399.721.834.838	2.811.591.152.400
Phải trả người bán	6.484.389.865	-	6.484.389.865
Chi phí phải trả	40.869.004.150	-	40.869.004.150
Dự phòng nghiệp vụ	-	1.858.169.376.190	1.858.169.376.190
	47.353.394.015	1.858.169.376.190	1.905.522.770.205
Chênh lệch thanh khoản thuần	364.515.923.547	541.552.458.648	906.068.382.195
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	110.031.853.750	-	110.031.853.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.993.677.241	-	118.993.677.241
Đầu tư ngắn hạn	450.000.000.000	-	450.000.000.000
Các khoản ký gửi ngắn hạn	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.331.294.603.695	1.331.294.603.695
Các khoản ký gửi dài hạn khác	-	2.103.026.281	2.103.026.281
	679.034.530.991	1.333.397.629.976	2.012.432.160.967
Phải trả người bán	6.727.700.769	-	6.727.700.769
Chi phí phải trả	17.410.733.345	-	17.410.733.345
Dự phòng nghiệp vụ	-	1.168.641.727.853	1.168.641.727.853
	24.138.434.114	1.168.641.727.853	1.192.780.161.967
Chênh lệch thanh khoản thuần	654.896.096.877	164.755.902.123	819.651.999.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro phát sinh do Công ty chịu trách nhiệm cung cấp phạm vi bảo hiểm cho chủ hợp đồng; liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Công ty là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nằm trong giới hạn rủi ro đã được thiết lập.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm thông qua quy định về hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình và thủ tục phê duyệt cho các giao dịch liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức. Công ty có quy trình hướng dẫn cụ thể và chặt chẽ cùng đội ngũ thẩm định viên giàu kinh nghiệm tham gia vào quá trình thẩm định hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, qua đó thu thập đầy đủ thông tin liên quan đến khách hàng, làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại rủi ro của các hồ sơ bảo hiểm để Công ty có thể đưa ra mức phí bảo hiểm phù hợp hoặc quyết định từ chối bảo hiểm.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFETầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty có đội ngũ chuyên gia tính toán giàu kinh nghiệm, áp dụng các giả định có tính thận trọng cao như tỷ lệ tử vong, bảng phân loại bệnh tật, tỷ lệ tai nạn, lãi suất... trong quá trình tính toán các mức phí bảo hiểm phải thu khách hàng để xác định đúng mức phí bảo hiểm phù hợp với từng mức độ rủi ro. Công ty thiết kế và duy trì quy trình xem xét bồi thường chặt chẽ để phân biệt rõ những yêu cầu bồi thường hợp lý trong phạm vi bảo hiểm và những yêu cầu bồi thường có liên quan đến gian lận.

Công ty sử dụng các hợp đồng tái bảo hiểm và các thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời để chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho các công ty tái bảo hiểm.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Sun Life Assurance Company of Canada
 Công ty Cổ phần PVI
 Sun Life Assurance Company of Philippines
 Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Chủ sở hữu
 Chủ sở hữu
 Công ty chung Tập đoàn Sun Life
 Công ty chung Tập đoàn PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Phí bảo hiểm		
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>688.530.771.578</u>	<u>228.152.208.403</u>
Mua hàng, sử dụng dịch vụ		
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.214.588.057	56.373.830.488
Sun Life Assurance Company of Canada	<u>6.212.455.000</u>	<u>9.410.253.000</u>
Thu nhập Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>14.050.468.755</u>	<u>14.064.402.293</u>



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFETầng 29 Tòa nhà Vietcombank, Số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu		
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	398.773.656	-
Phải thu khác		
Sun Life Assurance Company of Canada	6.776.753.062	3.156.307.178
Sun Life Assurance Company of Philippines	4.570.204.746	14.060.457.746
Phải trả		
Sun Life Assurance Company of Canada	-	-
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.388.768	-
Chi phí phải trả		
Sun Life Assurance Company of Canada	2.254.000.000	-


Dương Thị Ngọc Tâm
Người lập

Nguyễn Vương Huỳnh
Kế toán trưởngMichael Stewart Elliott
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2016